

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh T và
chị H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tiến Dũng

Bà Vương Thị Minh Tân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

Ngày 26-01-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 474/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đinh Viết T, sinh năm 1978; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại: Số 15/1/114 đường K, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Đào Thị Thu H, sinh năm 1978; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 15/1/114 đường K, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định

Hiện cư trú tại: Tổ 30 khu phố 5, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa: Anh T có mặt. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27-10-2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đinh Viết T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đào Thị Thu H tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N. Hai bên chung sống bình thường đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không hòa hợp về lối sống, tính cách. Hai bên cũng đã hòa giải nhưng do mâu thuẫn kéo dài đã lâu nên vợ chồng vẫn tiếp tục bất hòa và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Đào Thị Thu H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Đinh Viết T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đinh Viết Toàn Th, sinh ngày 05 tháng 01 năm 1997 và Đinh Viết Hoàng Đ, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2004. Hiện nay cháu Th đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu Đ đang sinh sống với anh. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Viết Hoàng Đ và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh Đinh Viết T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đào Thị Thu H có lời khai trình bày: Chị xác nhận thời gian, hoàn cảnh, địa điểm đăng ký kết hôn như anh T trình bày là đúng. Do mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi đã lâu nay anh T đề nghị ly hôn thì chị cũng nhất trí ly hôn. Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đinh Viết Toàn Th, sinh ngày 05 tháng 01 năm 1997 và Đinh Viết Hoàng Đ, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2004. Cháu Th đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị nhất trí giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Do vị trí địa lý xa xôi và tình hiện dịch bệnh diễn biến phức tạp nên chị đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Cháu Đinh Viết Hoàng Đ có đơn đề nghị được anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại đơn đề nghị xác nhận quan hệ hôn nhân và con chung, anh T trình bày về mâu thuẫn của vợ chồng, con chung và đã được chính quyền địa phương xác nhận nội dung trong đơn là đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đinh Viết T và chị Đào Thị Thu H có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố N là nơi thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa vợ chồng anh chị. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân thành phố N.

Chị Đào Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đào Thị Thu H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Viết T và chị Đào Thị Thu H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của đương sự và xác nhận của chính quyền địa phương cho thấy: Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, không hòa hợp về lối sống, tính cách. Hai bên cũng đã hòa giải nhưng do mâu thuẫn đã kéo dài nên không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi nhiều năm nay. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng của chị H và anh T không còn khả năng hàn gắn, hôn nhân hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử lý hôn giữa chị Đào Thị Thu H và anh Đinh Viết T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tranh chấp nuôi con chung: Cháu Đinh Viết Toàn Th đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đ, chị H nhất trí với đề nghị này của anh T. Cháu Đ đang ở với anh T và có đơn đề nghị được anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử có căn cứ giao cho anh Đinh Viết T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Viết Hoàng Đ, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2004 là phù hợp phù hợp với thực tế và đúng với quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh Đinh Viết T và chị Đào Thị Thu H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đinh Viết T là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Đinh Viết T và chị Đào Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao cho anh Đinh Viết T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đinh Viết Hoàng Đ, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2004. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đinh Viết T về việc không yêu cầu chị Đào Thị Thu H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đinh Viết T và chị Đào Thị Thu H đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đinh Viết T phải nộp 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 0005098 ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Anh Đinh Viết T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đào Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND phường Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng